

Hải Dương, ngày 15 tháng 2 năm 2002

Số: 22./BC-KQDA- KHCNMT

BÁO CÁO

Tổng kết dự án: "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học tại hai xã nông thôn và miền núi huyện Chí Linh, Kinh Môn - tỉnh Hải Dương".

- Cơ quan quản lý dự án: Bộ khoa học công nghệ và môi trường
- Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học (thuộc Sở khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Hải Dương).
- Chủ trì dự án: Kỹ sư Vũ Bảo Dương: Giám đốc Sở khoa học công nghệ và môi trường, kiêm giám đốc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học tỉnh Hải Dương
- Thành viên Ban điều hành dự án:
 - + Kỹ sư - Nguyễn Duy Sách: Phó giám đốc Sở khoa học công nghệ và môi trường.
 - + Kỹ sư - Nguyễn Văn An: Trưởng phòng kế hoạch đầu tư huyện Chí Linh, Hải Dương
 - + Kỹ sư - Trần Bình Lục - Trưởng phòng kế hoạch đầu tư huyện Kinh Môn, Hải Dương.
 - + Trần Xuân Thìn - Chủ tịch UBND xã Tân Dân - huyện Chí Linh.
 - + Hoàng Văn Giáp - Chủ tịch UBND xã Lê Ninh - huyện Kinh Môn.
- Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật:
 - + Kỹ sư: Hoàng Ngọc Thịnh: Trung tâm ứng dụng TBKH
 - + Kỹ sư: Nguyễn Xuân Hách: nt
 - + Kỹ sư: Vũ Đình Xuân: nt
 - + Kỹ sư: Vũ đình Phả: nt
 - + Nguyễn Việt Thắng: Phó chủ nhiệm HTX nông nghiệp Lê Ninh.
 - + Vũ Đình Nguyên: Chủ nhiệm HTX nông nghiệp Tân Dân.
- Kế toán dự án: Tiêu Thị Chung - Trung tâm ứng dụng TBKH
- Cơ quan chuyển giao công nghệ.
 - + Trường đại học nông nghiệp I - Hà Nội.
 - + Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp:
 - + UBND huyện Chí Linh - tỉnh Hải Dương
 - + UBND huyện Kinh Môn - tỉnh Hải Dương
- Thời gian thực hiện: Tháng 12 -1998 đến tháng 12 -2000.
- Địa điểm triển khai dự án.
 - + Xã Tân Dân - huyện Chí Linh - tỉnh Hải Dương
 - + Xã Lê Ninh - Huyện Kinh Môn- tỉnh Hải Dương

PHẦN THỨ NHẤT:

MỤC TIÊU - NỘI DUNG - THỰC HIỆN DỰ ÁN.

I- Nội dung thực hiện dự án :

1- Xây dựng mô hình ứng dụng TBKH thâm canh cây lúa.

1.1- Mục tiêu: - Ứng dụng giống lúa lai và lúa thuần TQ có độ thuần cao, kỹ thuật thâm canh, phấn đấu đạt năng suất 10 tấn /ha/năm, đảm bảo bình quân lương thực/1 người đạt 500 kg/1năm.

1.2 Nội dung: - Tổ chức tập huấn, cấp tài liệu hướng dẫn thâm canh các giống lúa thuần, lúa lai TQ đạt năng suất cao, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp IPM để bảo vệ môi trường sinh thái và giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật.

- Đầu tư các giống lúa lai, lúa thuần Trung Quốc và quy trình kỹ thuật canh tác tiến bộ cho hộ nông dân 2 xã, với qui mô: 60 ha, tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa, hỗ trợ 1 phần kinh phí cho các hộ để mua phân Kali và thuốc bảo vệ thực vật cho quá trình thâm canh lúa, đào tạo kỹ thuật viên cho địa phương và tổng kết mô hình thâm canh lúa, rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

2- Xây dựng mô hình phát triển kinh tế vườn rừng:

2.1- Mục tiêu: Kết hợp với phát triển đồi rừng, lựa chọn giống vải, nhãn, hồng Nhân hậu trồng dưới sườn đồi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật kéo dài thời gian thu hoạch quả, bảo vệ đất và môi trường sinh thái, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

2.2- Nội dung: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người dân về trồng và bảo vệ rừng. Chuyển giao KTTB về giống vải, nhãn, hồng Nhân hậu, đầu tư hỗ trợ tiền mua giống cây ăn quả để phát triển mới qui mô với 40 ha vải, nhãn, hướng dẫn và hỗ trợ một phần kinh phí cho hộ nông dân xây dựng các cụm tưới nước cho cây ăn quả trên vườn đồi, tổng kết mô hình để nhân ra diện rộng.

3- Xây dựng mô hình cải tạo và phát triển đàn bò địa phương:

3.1- Mục tiêu: Dùng bò đực lai Sind (3/4 máu ngoại) lai với bò cái địa phương để nâng cao tầm vóc, tăng sức kéo và sản lượng thực phẩm với qui mô: 2 con bò đực lai Sind giống và 2 bò cái lai Sind.

3.2- Nội dung: Chọn bò lai Sind đã được thuần hoá ở Việt Nam làm đực giống. Cho hộ nuôi dưỡng theo đúng quy trình về thức ăn, chuồng trại, phòng bệnh, khai thác tinh. Theo dõi một số chỉ tiêu: số bò cái chữa đẻ, số con nuôi sống, tăng trọng, bệnh tật, rút kinh nghiệm quá trình thực hiện mô hình.

4- Xây dựng mô hình thâm canh cây lạc.

4.1: Mục tiêu: - Ứng dụng các giống lạc mới (LVT), trồng theo công nghệ mới, cùng với các biện pháp kỹ thuật thâm canh. Phấn đấu trên diện tích trình diễn mô hình năng suất lạc đạt: 22 - 25 tạ/ha/vụ.

4.2: Nội dung: - Tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng các giống lạc mới, theo công nghệ mới.

- Đầu tư hỗ trợ giống lạc mới LVT và ni lon che phủ đất cho các hộ nông dân triển khai thực hiện dự án; đào tạo kỹ thuật viên cho cơ sở trong quá trình chuyển giao công nghệ.

- Qui mô 20 ha tại 2 xã trong 2 vụ (vụ lạc xuân 1999 và 2000).

- Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp IPM để tăng năng suất lạc và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổng kết mô hình để nhân ra diện rộng.

5- Huấn luyện, đào tạo, tuyên truyền:

5.1: Mục tiêu: Đào tạo nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật cho cán bộ, hộ nông dân thực hiện dự án. Tuyên truyền kết quả đạt được nhằm mở rộng dự án ra qui mô lớn.

5.2: Nội dung: - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật thâm canh lúa, cây lạc, phát triển kinh tế vườn rừng, cải tạo đàn bò địa phương theo chương trình Sind hoá đàn bò. Qui mô 2000 lượt người.

- Biên soạn, in ấn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho hộ nông dân với số lượng 4000 - 5000 tài liệu.

- Tổ chức Hội thảo, hướng dẫn thao tác kỹ thuật trên đồng ruộng (2 - 3 lần).

- Tổ chức cho cán bộ kỹ thuật, hộ nông dân tiên tiến đi tham quan các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất đạt kết quả tốt trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho 14 kỹ thuật viên trong 14 thôn của 2 xã thực hiện dự án.

- Chụp ảnh tư liệu, xây dựng băng hình tuyên truyền kết quả đạt được trong từng mô hình của dự án.

III- CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1- Giải pháp về khoa học công nghệ: Đào tạo, tập huấn, cung cấp qui trình hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc đạt năng suất cao, kỹ thuật thâm canh lạc xuân giống, mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon, kỹ thuật cải tạo vườn đồi, chiết, ghép, trồng và thâm canh cây ăn quả đặc sản: vải thiều, nhãn lồng, hồng Nhân hậu ; kỹ thuật phối giống bò lai sind để cải tạo đàn bò gốc địa phương.

2- Giải pháp về tổ chức, chỉ đạo thực hiện dự án:

- Xác định trách nhiệm của chủ dự án, đơn vị thực hiện, cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan phối hợp, nhóm cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật cơ sở, nhóm hộ nông dân thực hiện dự án.

- Tranh thủ sự chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án.

- Điều phối chặt chẽ giữa các chủ thể trên để thực hiện được các mục tiêu, nội dung Dự án.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả kinh phí của Dự án.

- Tổ chức cho cán bộ kỹ thuật, hộ nông dân tiên tiến đi tham quan các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất đạt kết quả tốt trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho 14 kỹ thuật viên trong 14 thôn của 2 xã thực hiện dự án.

- Chụp ảnh tư liệu, xây dựng băng hình tuyên truyền kết quả đạt được trong từng mô hình của dự án.

III- CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1- Giải pháp về khoa học công nghệ: Đào tạo, tập huấn, cung cấp qui trình hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc đạt năng suất cao, kỹ thuật thâm canh lạc xuân giống, mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon, kỹ thuật cải tạo vườn đồi, chiết, ghép, trồng và thâm canh cây ăn quả đặc sản: vải thiều, nhãn lồng, hồng Nhân hậu ; kỹ thuật phối giống bò lai sind để cải tạo đàn bò gốc địa phương.

2- Giải pháp về tổ chức, chỉ đạo thực hiện dự án:

- Xác định trách nhiệm của chủ dự án, đơn vị thực hiện, cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan phối hợp, nhóm cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật cơ sở, nhóm hộ nông dân thực hiện dự án.

- Tranh thủ sự chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án.

- Điều phối chặt chẽ giữa các chủ thể trên để thực hiện được các mục tiêu, nội dung Dự án.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả kinh phí của Dự án.

PHẦN THỨ HAI:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I- Kết quả điều tra hiện trạng, chọn địa bàn, chọn hộ triển khai thực hiện dự án:

Chủ trương ưu tiên đầu tư khoa học công nghệ cho các xã nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kháng chiến cũ của Đảng và Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực đủ sức tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đời sống ở các địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với vùng sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Quán triệt quan điểm trên, dự án đã điều tra, khảo sát về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, trình độ thâm canh cây trồng, vật nuôi, hạ tầng cơ sở, đội ngũ cán bộ chủ chốt địa phương, trình độ dân trí, khả năng tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của cán bộ, nhân dân ở cơ sở và khả năng tiếp nhận, sử dụng vốn đầu tư hỗ trợ của dự án, vốn đối ứng của hộ nông dân, tính tự nguyện tiếp thu và triển khai các mô hình phát triển nông thôn miền núi ở địa phương thực hiện Dự án

Từ những tiêu chí trên, Dự án đã phối hợp với UBND huyện Chí Linh, Kinh Môn khảo sát các xã trên địa bàn hai huyện, chọn xã đại diện để triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học để làm cơ sở cho việc nhân rộng sau khi Dự án hoàn thành.

I- Kết quả khảo sát, chọn địa điểm, chọn hộ thực hiện dự án ở huyện Kinh Môn- Tỉnh Hải Dương.

Huyện Kinh Môn có 25 xã trong đó có 10 xã miền núi. Trong các xã miền núi có 4 xã vùng đảo là núi đá vôi đang khai thác phục vụ các nhà máy xi măng: Hoàng Thạch, Vạn chánh, Duyên linh, Phúc sơn... Các xã này phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Còn lại 6 xã khác có núi đất đồi trọc, ruộng canh tác, ao hồ. Qua khảo sát Ban điều hành Dự án và lãnh đạo huyện Kinh Môn quyết định chọn xã Lê Ninh là địa điểm thực hiện Dự án với lý do:

- Đây là một xã có quy mô diện tích và dân số vừa phải .

- Có các điều kiện cần thiết để xây dựng triển khai các mô hình dự án về thâm canh cây lúa đảm bảo an toàn lương thực, phát triển kinh tế vườn rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm...Để tạo việc làm cho người lao động.

- Cán bộ chủ chốt từ xã đến các thôn, các hộ nông dân hăng hái tiếp thu, cầu thị các kiến thức khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, phát triển cây ăn quả, cây nông sản thực phẩm trên đất vườn rừng để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, cải tạo ao hồ nuôi cá thịt và cung cấp nước tưới cho vườn cây ăn quả trên vườn đồi góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái khu vực.

- Lê Ninh là một xã thuần nông các hộ nông dân chỉ tập trung vào nghề chính là: Trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây ăn quả vườn đồi nên có điều kiện thực hiện các nội dung dự án.

- Qua một số năm xây dựng hạ tầng cơ sở, hỗ trợ quỹ xoá đói giảm nghèo các hộ nông dân thực hiện nghiêm túc, sòng phẳng. Đây là căn cứ cho việc thu hồi vốn đầu tư triển khai các mô hình khi dự án kết thúc.

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội Lê Ninh đại diện cho các xã miền núi trong khu vực nên khi dự án kết thúc kết quả nhanh chóng được nhân rộng ra các xã có điều kiện tương tự.

- Xã Lê Ninh là xã vùng núi nghèo được lãnh đạo huyện Kinh môn chọn chỉ đạo điểm về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Cán bộ kỹ thuật của dự án phối hợp cùng với lãnh đạo, xã, thôn trực tiếp chọn hộ nông dân triển khai thực hiện các mô hình dự án trên nguyên tắc:

+ Là những hộ nông dân hăng hái đi đầu trong việc tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất đạt kết quả.

+ Không phải những hộ nông dân quá nghèo vì muốn thực hiện dự án ngoài phạm vi vốn do nhà nước hỗ trợ người nông dân phải đầu tư vào đó một lượng vốn nhất định thì mới thực hiện có kết quả các mô hình dự án.

+ Những hộ nông dân này ngoài việc thực hiện tốt quy trình công nghệ do cán bộ kỹ thuật hướng dẫn còn phải có khả năng tuyên truyền thuyết phục các hộ

nông dân khác làm theo. Đồng thời khi kết thúc dự án phải có đủ điều kiện thanh toán sòng phẳng phần kinh phí đầu tư thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

Dựa trên nguyên tắc trên dự án đã chọn hộ thực hiện các mô hình như sau: Mô hình thâm canh lúa thuần lúa lai Trung Quốc: 468 hộ. Mô hình thâm canh giống lạc mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon : 87 hộ. Mô hình phát triển kinh tế vườn rừng 20 hộ và gần 500 hộ phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm (trong đó có 2 hộ được chọn nuôi giống bò lai Sind do dự án đầu tư) các hộ đăng ký và được xã, thôn tuyển chọn triển khai thực hiện dự án địa phương đã công khai trên đài truyền thanh đảm bảo dân chủ, công bằng xã hội.

2 - Kết quả khảo sát, chọn địa điểm, chọn hộ thực hiện Dự án ở huyện Chí Linh - tỉnh Hải Dương.

Huyện Chí Linh có 25 xã trong đó có 13 xã được Nhà nước xếp vào xã miền núi dân tộc. 12 xã còn lại thuộc loại đồng bằng xen canh lẫn đồi gò. Trong giai đoạn 1990 -1995 Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường, 1 số Bộ ngành Trung ương và tỉnh đã tập trung đầu tư dự án cho các xã miền núi dân tộc đã giúp các xã trên có chuyển biến tích cực về phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo. Tuy nhiên huyện Chí Linh vẫn còn 12 xã đồng bằng xen lẫn đồi gò, trong đó có những xã vùng sâu, vùng xa kinh tế chậm phát triển. Qua khảo sát thực tế ở các xã này cán bộ kỹ thuật của dự án và lãnh đạo huyện Chí Linh đã lựa chọn xã Tân Dân là địa bàn triển khai các mô hình dự án ở huyện Chí Linh vì:

- Xã có đủ các điều kiện để triển khai các mô hình dự án: Có diện tích trồng lúa nước, đất trồng cây nông sản thực phẩm, đất đồi núi trọc có thể cải tạo để trồng cây ăn quả và tu bổ đồi rừng, xã có vườn đồi và hệ thống đê Sông Kinh thày bao bọc nên có thể đẩy mạnh phát triển đàn bò và các loại gia súc, gia cầm khác.

- Tân Dân cũng là xã chỉ đạo điểm của huyện Chí Linh về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện.

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Tân Dân đại diện cho vùng bán Sơn địa nên khi mô hình các dự án đạt kết quả có điều kiện nhân rộng ra 11 xã còn lại của huyện.

- Xã có đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt và hộ nông dân nhiệt tình hăng hái tiếp thu kiến thức khoa học công nghệ để áp dụng vào sản xuất đạt kết quả. Đây

cũng là một xã thuần nông nên các hộ nông dân sẽ tập trung trí tuệ, vốn liếng cho việc đầu tư xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đạt hiệu quả và từ kết quả đạt được họ sẽ tuyên truyền khuyến cáo để các xã khác cùng triển khai thực hiện.

Dựa vào mô hình đã nêu trên, dự án đã chọn các hộ nông dân thực hiện các mô hình dự án như sau: Mô hình thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc chọn 852 hộ nông dân thực hiện. Mô hình thâm canh giống lạc mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon chọn 259 hộ nông dân thực hiện. Mô hình phát triển kinh tế vườn rừng chọn 111 hộ thực hiện. Hội nông dân của xã cũng chọn trên 2000 hộ phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm (trong đó có 2 hộ được chọn chăm sóc nuôi dưỡng bò giống lai Sind do dự án đầu tư hỗ trợ cơ sở). phương pháp chọn hộ nông dân triển khai thực hiện dự án là các hộ phải tự nguyện đăng ký, lãnh đạo xã, thôn cùng cán bộ kỹ thuật dự án tuyển chọn. Sau khi danh sách được duyệt thì công bố công khai trên đài truyền thanh xã đảm bảo tính công bằng, dân chủ ở cơ sở.

II- Kết quả xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học:

Nội dung dự án là xây dựng lồng ghép các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trên cùng một địa bàn, phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

- Ứng dụng giống lúa thuần, lúa lai TQ để thâm canh đạt năng suất 10 tấn/ha/năm (năng suất các giống lúa cũ của địa phương năm 1997 đạt 70 tạ/ha/năm).

- Ứng dụng giống lạc mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon để đạt năng suất 25- 27 tạ/ha/vụ (năng suất giống lạc cũ vụ xuân 1998 đạt 12 tạ/ha/vụ).

- Ứng dụng TBKT giống bò lai sind để cải tạo đàn bò gié địa phương phấn đấu 24 tháng thực hiện dự án tạo được 300 con bê lai.

- Cải tạo trồng mới 40 ha cây vải, nhãn giống tốt xây dựng 8 cụm tưới nước vườn đôi.

- Đào tạo 14 kỹ thuật viên cho 14 thôn của 2 xã, đào tạo kỹ thuật thâm canh cây lúa, cây lạc, cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi cho 5000 lượt người. Cấp 6000 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho hộ nông dân thực hiện dự án.

Dự án được triển khai dưới sự chỉ đạo của chủ dự án, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyển giao công nghệ, đơn vị chủ trì dự án, cơ sở huyện, xã...từ khâu khảo sát, thiết kế mô hình, giải pháp kỹ thuật, biên soạn tài

liệu, tập huấn, cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật...được thể hiện bằng các hợp đồng ứng dụng chuyển giao công nghệ với trường Đại học nông nghiệp I, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, UBND 2 xã Lê Ninh và Tân Dân. Kết quả từng mô hình đạt như sau:

1- Mô hình ứng dụng TBKH thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc:

Triển khai xây dựng mô hình với quỹ mô 60 ha trong 3 vụ (mùa 1999, xuân 2000 và vụ mùa năm 2000) với 1320 hộ nông dân triển khai thực hiện. Trước khi bước vào thời vụ cơ quan chuyển giao công nghệ và đơn vị chủ trì triển khai đã điều tra, khảo sát và lấy mẫu đất trên những cánh đồng dự kiến xây dựng mô hình.

Các mẫu đất đã được Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp phân tích các thành phần dinh dưỡng kết hợp và điều tra thực tế để bố trí bộ giống lúa phù hợp cho thâm canh mô hình. Đó là các giống lúa kháng dân 18, Q5, lai 2 dòng... có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao.

Giống lúa mà dự án đầu tư cho các hộ nông dân thực hiện mô hình được cán bộ kỹ thuật kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, độ thuần giống theo tiêu chuẩn giống lúa cấp 1. Tập huấn, cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nông dân. Vì các giống đầu tư cho mô hình đều là giống lúa thuần, lúa lai Trung Quốc yêu cầu trình độ thâm canh cao, đặc biệt là phân bón đầu tư phải cân đối, hợp lý cho từng loại giống:

- Đối với giống lúa thuần (Q5, KD18) đầu tư: Phân chuồng 10 tấn + 100 kg N + 90 kg P_2O_5 + 70 kg K_2O / 1 ha.

- Đối với giống lúa lai Trung Quốc (Bồi tạp sơn thanh) cần đầu tư 12 tấn phân chuồng + 120 kg N + 100 kg P_2O_5 + 100 kg K_2O / 1 ha.

Đồng thời cán bộ kỹ thuật cơ quan chuyển giao công nghệ cùng cán bộ kỹ thuật đơn vị triển khai trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hộ nông dân sản xuất theo đúng qui trình từ gieo trồng, bón phân, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Kết quả năng suất lúa trong vùng thực hiện dự án đạt bình quân như sau:

- Vụ mùa năm 1999 đạt bình quân 58 tạ/ ha/ vụ.

- Vụ xuân năm 2000 đạt năng suất bình quân: 62 tạ/ha/ vụ.

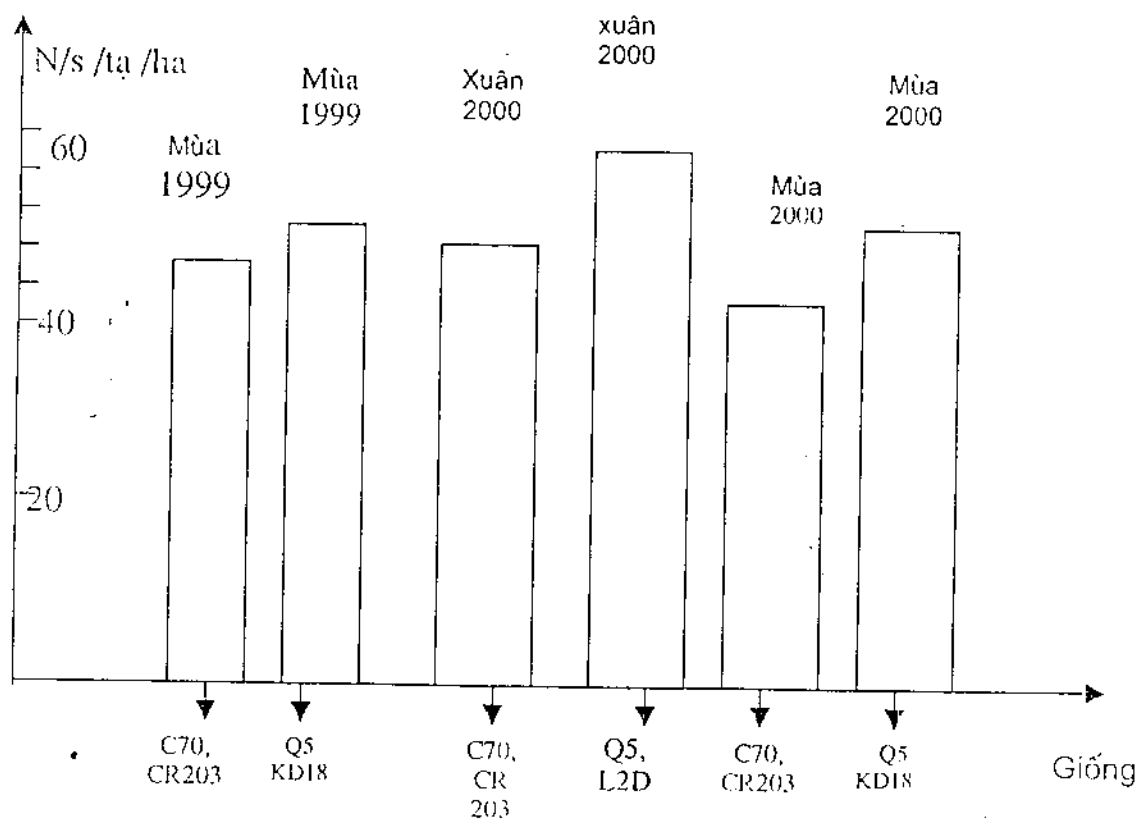
- Vụ mùa năm 2000 đạt năng suất bình quân: 55 tạ/ ha/vụ (do thời tiết bất thuận gió to lúa đổ ngã tỷ lệ hạt lép cao). Đặc biệt 1 số hộ nông dân thâm canh lúa lai 2 dòng trong vụ xuân năm 2000 đạt năng suất bình quân 250 kg/sào (69 tạ/ha/vụ). Trong khi đó diện tích lúa đại trà các hộ nông dân cấy bằng giống lúa cũ CR203, C70, C71 chỉ đạt năng suất bình quân 45 tạ /ha/ vụ.

**BẢNG KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH
THÂM CANH LÚA THUẦN, LÚA LAI TRUNG QUỐC**

Thời vụ	Giống lúa	Năng suất (tạ /ha)	So sánh năng suất	
			Tăng (tạ /ha)	(% tăng)
Vụ mùa 1999	Q5, KD18	58,0	13,0	28,8
	CR203, C70(đối chứng)	45,0		
Vụ Xuân 2000	Q5, lai 2 dòng (Bồi tập sơn thanh)	62,0	15,0	31,9
	CR 203, C71 (đối chứng)	47,0		
Vụ mùa 2000	Q5, KD 18	55,0	13,0	39,5
	CR 203, C70 (đối chứng)	42,0		

Ghi chú: Tính năng suất bình quân (N/s thực thu)

KẾT QUẢ TRÊN ĐƯỢC MINH HOẠ BẰNG ĐỒ THỊ SAU:



Sở dĩ có được kết quả trên vì hộ nông dân nắm được kỹ thuật thâm canh, được đầu tư giống lúa thuần Trung Quốc: KD 18, Q 5, Lai 2 dòng... được đầu tư hỗ trợ phân kali, thuốc bảo vệ thực vật, chăm sóc đúng thời kỳ, phòng trừ sâu bệnh kịp thời: đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng thời điểm. Hơn nữa mô hình lại được phối hợp lồng ghép với dự án kiên cố hoá kênh mương và thuỷ lợi nội đồng nên cây trồng được tưới đủ nước trong suốt quá trình sinh trưởng, phát triển. Kết quả hoạt động các nghiệp vụ về giống lúa mới tạo điều kiện bổ sung những giống tốt, năng suất cao cho mô hình dự án. Chỉ có sự phối kết hợp như vậy thì mô hình dự án đạt hiệu quả, có khả năng nhân rộng khi dự án kết thúc. Mô hình áp dụng và thâm canh các giống lúa thuần lúa lai của Trung Quốc được tập huấn kỹ thuật chuyển giao lần đầu cho các hộ nông dân miền núi xã Lê Ninh - huyện Kinh Môn đã làm thay đổi cơ cấu các trà lúa, giống lúa ở địa phương. Từ chỗ người nông dân trong xã các vụ trước chủ yếu cấy giống dài ngày, năng suất thấp sau một thời gian thực hiện mô hình thâm canh giống ngắn ngày gồm lúa thuần, lúa lai trung quốc những vụ sau các giống này đã chiếm tỷ lệ 70-80% diện tích canh tác của xã. Tiến bộ kỹ thuật này đã làm chuyển đổi cả một tập quán canh tác lạc hậu của một xã vùng núi, vùng sâu vùng xa của huyện.

2- Mô hình áp dụng tiến bộ khoa học thâm canh giống lạc mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon: Cùng với thâm canh cây lúa đảm bảo an toàn lương thực cho các xã vùng núi, dự án đầu tư giúp hộ nông dân phát triển cây lạc nhằm tạo nguồn hàng hoá có giá trị đem lại nguồn thu nhập đáng kể. Dự án đã chỉ đạo mô hình này với quy mô 20 ha trong 2 vụ lạc xuân: Vụ xuân 1999 và vụ xuân 2000 tại 2 xã Lê Ninh (Kinh Môn) Tân Dân (Chí Linh) với 339 hộ nông dân triển khai thực hiện. Trồng lạc giống mới theo công nghệ phủ nilon là một tiến bộ kỹ thuật mới lần đầu tiên được áp dụng tại địa phương nên các hộ nông dân còn bỡ ngỡ, một số hộ chưa tin tưởng. Song Dự án đã đầu tư giống tốt, nilon, phân bón... đồng thời tiếp tục hướng dẫn các thao tác kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh... nên sau vụ lạc xuân 1999 đạt kết quả đến vụ lạc xuân 2000 có 90% hộ nông dân hai xã Lê Ninh (Kinh Môn), Tân Dân (Chí Linh) trồng giống lạc giống mới LVT theo công nghệ phủ nilon. Qua kết quả 2 vụ thâm canh giống lạc mới (LVT) theo công nghệ phủ nilon năng suất lạc củ vụ xuân năm 1999 trên diện tích mô hình 20 ha đạt năng suất bình quân 27 tạ/ha/vụ. Năng suất bình quân vụ lạc xuân năm 2000 đạt 33,24 tạ/ha/vụ. Tại hội nghị đầu bờ và sơ kết mô hình áp dụng tiến

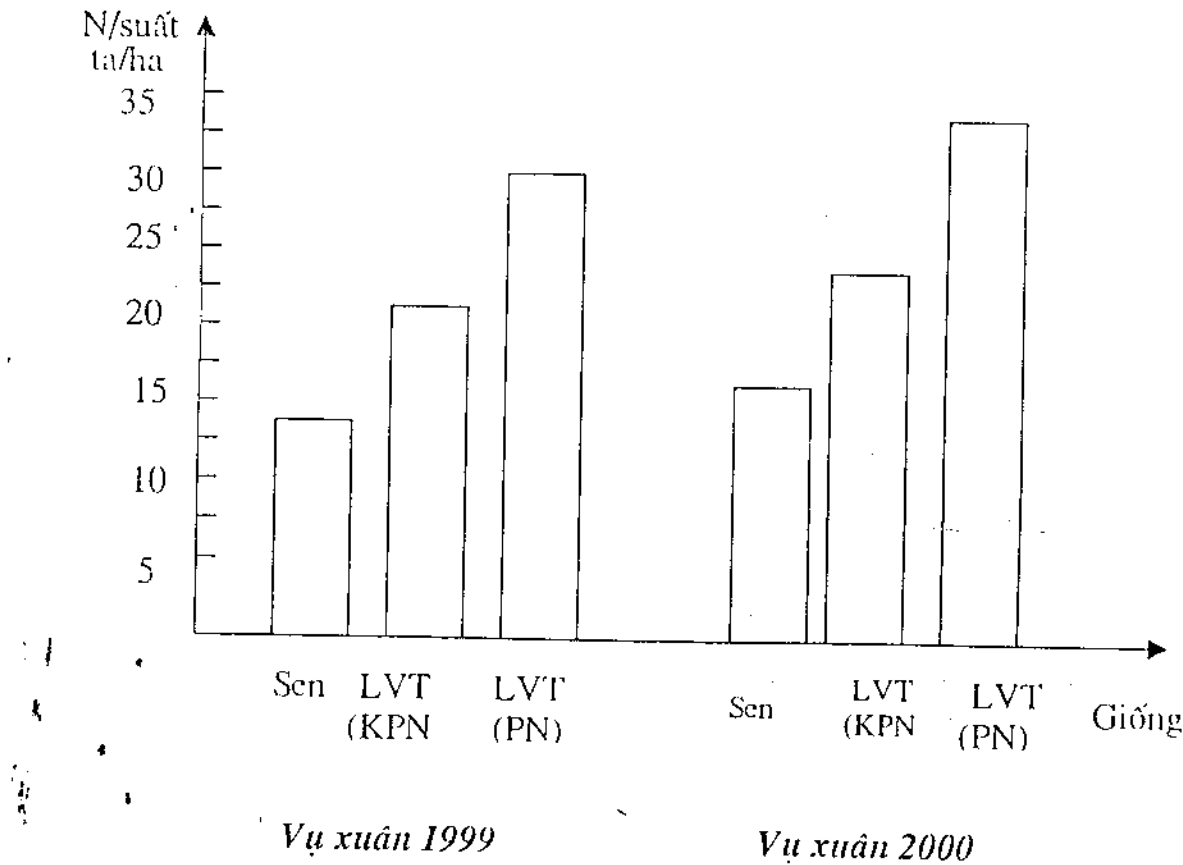
bộ kỹ thuật tại 2 xã thực hiện dự án cán bộ và nhân dân rất ca ngợi mô hình ứng dụng TBKH về cây lạc, với sự phối hợp các nghiệp vụ kết quả này tiếp tục được phổ cập rộng rãi trên địa bàn các xã trồng lạc của huyện Chí Linh, Kinh Môn, Nam Sách...công nghệ này đến nay được phổ cập trong toàn tỉnh Hải Dương.

BẢNG KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÂM CANH GIỐNG LẠC MỚI LVT TRỒNG THEO CÔNG NGHỆ PHỦ NILON

Thời vụ	Công thức	Giống	Năng suất	So sánh năng suất	
			(Tạ/ha)	Tạ/ha	(% tăng)
Vụ Xuân 1999	PN	LVT	27,00	14,00	51,85
	KPN	LVT	21,50		
		sen	13,00		
Vụ Xuân 2000	PN	LVT	33,24	18,24	54,87
	KPN	LVT	23,50		
		Sen	15,00		

Ghi chú: PN : phủ nilon
KPN : không phủ nilon.
So sánh năng suất tăng giữa giống LVT có phủ nilon và giống lạc sen.

KẾT QUẢ TRÊN ĐƯỢC MINH HỌA BẰNG ĐỒ THỊ SAU:



3- Mô hình áp dụng tiến bộ khoa học phát triển cây ăn quả vườn đôi:

Để bố trí giống cây ăn quả phù hợp đạt hiệu quả kinh tế. Cơ quan chuyển giao công nghệ cùng với đơn vị chủ trì thực hiện dự án tiến hành điều tra khảo sát, lấy các mẫu đất đại diện trên các vùng đôi triển khai mô hình dự án. Các mẫu đất được phân tích chỉ tiêu dinh dưỡng, kết hợp với các biện pháp cải tạo, tập quán canh tác dự án sẽ bố trí được cơ cấu giống cây ăn quả thích hợp.

Mô hình triển khai tại 8 thôn của 2 xã với quy mô 40ha, đối tượng cây ăn quả là cây vải, cây nhãn, cây hồng Nhân hậu là những cây có giá trị kinh tế cao. Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật của dự án hướng dẫn hộ nông dân cải tạo đất đôi trực bằng biện pháp thiết kế vườn theo đường đồng mức, chuyển phân hữu cơ+ phân xanh+ đất phù sa vào hố trồng trộn đều với đất trước khi trồng cây 1 tháng. Để giúp hộ nông dân mở rộng diện tích cây ăn quả vườn đôi, dự án đầu tư cho 2 xã 8 cụm tưới nước với mức kinh phí hỗ trợ 40 triệu đồng nhằm cung cấp đủ nước cho cây ăn quả vườn đôi trong những tháng khô hạn. Song song với việc mở rộng diện tích cán bộ dự án còn tập huấn kỹ thuật thâm canh các vườn cây đã trồng từ trước để cây ra quả liên tục không cách năm đạt năng suất cao chất lượng tốt. Những tiến bộ kỹ thuật trên chỉ được áp dụng khi dự án triển khai ở cơ sở. Để việc thâm canh và phát triển mở rộng diện tích cây ăn quả ngoài việc tập huấn lý thuyết, cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn thao tác trên đồng ruộng thì cơ quan chuyển giao công nghệ phải hướng dẫn nông dân kỹ thuật chọn giống tốt, thâm canh và cung ứng những giống vải, nhãn, hồng nhân hậu có chất lượng tốt để các hộ nông dân trồng nhằm đạt kết quả lâu dài sau khi dự án kết thúc. Các giống cây ăn quả trên sau khi cơ quan công nghệ và đơn vị thực hiện dự án giao cho dân trồng sau 1 tháng theo dõi sinh trưởng, phát triển đạt tỷ lệ cây sống 95%.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG CÂY ĂN QUẢ VƯỜN ĐÔI XÃ LÊ NINH (KINH MÔN) TÂN DÂN (CHÍ LINH).

STT	Đơn vị thực hiện	Cây vải, nhãn ghép			Cây hồng Nhân hậu		
		Số cây đã trồng	Số cây sống	Tỷ lệ sống (%)	Số cây đã trồng	Số cây sống	Tỷ lệ sống (%)
1	Xã Tân Dân	503	482	95,8	500	485	97,0
2	Xã Lê Ninh	503	479	95,2	500	483	96,6
		1006	961	95,5	1000	968	96,8

4- Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật bò đực giống lai sind để cải tạo đàn bò gié địa phương: để khai thác lợi thế của 2 xã Lê Ninh (Kinh Môn), Tân Dân (Chí Linh) vừa có vườn đồi, vừa có đê sông Kinh Thầy có nguồn cỏ tự nhiên, thuận lợi cho phát triển đàn bò. Dự án đầu tư cho 2 xã 2 bò đực giống lai sind 3/4 máu ngoại để phối giống với đàn bò gié địa phương tạo ra đàn bê lai có tầm vóc lớn, sức kéo và nguồn thực phẩm và 2 bê cái lai Sind để sinh sản, tính đến tháng 12 /2000 hai bò cái lai sind đã sinh được 2 con bê cái có tầm vóc to khỏe. Sau 6 tháng nuôi dưỡng có trọng lượng gấp đôi so với bê gié cùng tuổi. Trong 2 năm thực hiện dự án 100% hộ nông dân nuôi bò của 2 xã và một số xã lân cận đã phối giống bằng bò đực giống lai sind do Dự án đầu tư. Tính đến tháng 12 năm 2000 hai bò đực giống đã phối 300 bò cái cho ra đời 165 con bê lai. Khi dự án kết thúc (tháng 12-2000) số bò giống được bàn giao cho địa phương cải tạo đàn bò địa phương. Tuy nhiên, so với mục tiêu Dự án đề ra là sau 24 tháng triển khai thực hiện Dự án với 2 bò đực lai sind sẽ cho phối giống với bò gié địa phương để cho ra đời 300 bê lai sind thì kết quả trên chưa đạt do kinh phí cấp chậm (tháng 5/1999) nên tới tháng 8/1999 mới làm thủ tục tuyển chọn và mua được bò đực giống lai sind, nên thời gian phối giống chỉ có 16 tháng, kết quả còn hạn chế.

KẾT QUẢ MÔ HÌNH CẢI TẠO ĐÀN BÒ ĐỊA PHƯƠNG.

(Tính đến tháng 12 /2000)

STT	Đơn vị thực hiện	Số lần phối giống	Tỷ lệ thụ thai		Số con bê lai đã ra đời
			Số con	%	
1	Xã Lê Ninh	180	173	96,1	115
2	Xã Tân Dân	120	114	95,0	50
	Cộng:	300	287	95,6	165

5- Huấn luyện đào tạo, tuyên truyền kết quả dự án.

Cán bộ kỹ thuật của cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan chủ trì thực hiện dự án phối hợp, luân phiên tập huấn, hướng dẫn các thao tác kỹ thuật, cung cấp tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho các hộ nông dân theo từng thời vụ cây trồng, vật nuôi. Đối với hộ nông dân họ chỉ nghe và làm là chủ yếu còn rất ít ghi chép, tổng kết rút kinh nghiệm nên phải tổ chức tập huấn nhiều lần, nhiều buổi để họ hiểu và làm đúng yêu cầu kỹ thuật.

Trong 2 năm triển khai thực hiện, dự án đã tập huấn cho 5850 lượt người, cấp 6000 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nông dân 2 xã Tân Dân (Chí Linh) Lê Ninh (Kinh Môn) về kỹ thuật thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc, kỹ thuật thâm canh giống lạc mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ nilon, kỹ thuật cải tạo vườn đồi phát triển cây ăn quả đặc sản (nhãn, vải), cải tạo đàn bò địa phương theo hướng sin hoá, để có đủ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cấp cho hộ nông dân trong các buổi tập huấn, cơ quan chuyển giao công nghệ biên soạn tài liệu gốc, đơn vị chủ trì thực hiện dự án tổ chức in ấn, cấp phát cho các hộ nông dân. Do tính chất thời vụ của từng loại cây trồng, vật nuôi (đặc biệt là cây lúa và cây lạc) trước khi bước vào thu hoạch, dự án tổ chức hội thảo, tham quan đầu bờ để đánh giá kết quả mô hình, kịp thời rút kinh nghiệm chỉ đạo tiếp vụ sau, đồng thời cũng tuyên truyền khuyến cáo kết quả để các đơn vị khi áp dụng. Hội thảo tham quan đầu bờ gồm đại biểu của tỉnh, các huyện, xã bạn... họ được chứng kiến kết quả đạt được về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu của cây trồng, vật nuôi; được nghe các hộ nông dân, cán bộ địa phương báo cáo lại quá trình tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Đây chính là biện pháp tuyên truyền nhân rộng kết quả một cách tốt nhất mà dự án đạt được. Dự án đã tổ chức Hội thảo, tham quan mô hình thâm canh lúa thuần, lúa lai Trung Quốc; thâm canh lạc giống mới (LVT) trồng theo công nghệ phủ Nilon; Cải tạo vườn đồi trồng cây ăn quả đặc sản (vải, nhãn). Do vậy nông dân ở các xã có điều kiện tương tự mạnh dạn áp dụng vào sản xuất ở địa phương mình. Để tự đánh giá kết quả đạt được khi thực hiện triển khai từng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời mở mang thêm tầm nhìn cũng như học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh triển khai thực hiện tốt dự án nông thôn, miền núi, dự án đã tổ chức cho cán bộ kỹ thuật, hộ nông dân tiên tiến thực hiện tốt từng mô hình đi tham quan học tập là kinh nghiệm tại tỉnh Quảng Ninh. Nội dung tham quan học tập là kinh nghiệm thâm canh giống lạc,

mô hình cải tạo đồi trọc theo đường đồng mức chống sồi mòn đất mở rộng diện tích trồng vải, nhãn trên đất vườn đồi. Sau khi cán bộ và hộ nông dân đi tham quan học tập kinh nghiệm về đã hiểu thêm về kỹ thuật thâm canh các giống lạc mới, thâm canh tăng năng suất cũng như cải tạo đất vườn đồi mở rộng diện tích cây vải, nhãn.

Để các tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai rộng rãi và áp dụng lâu dài trên địa bàn khi dự án kết thúc thì việc đào tạo cán bộ và kỹ thuật viên cho cơ sở có ý nghĩa quyết định. Trong thời gian thực hiện dự án cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan chủ trì thực hiện đã phối hợp mở lớp đào tạo kỹ thuật viên theo từng chuyên đề, từng thời vụ. Các kỹ thuật viên được lãnh đạo địa phương tuyển chọn từ các thôn, xóm. Những người được tuyển chọn để đào tạo phải có trình độ văn hoá, hăng hái tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, có kinh nghiệm thực tiễn trong sản xuất, thâm canh cây trồng, vật nuôi. Các kỹ thuật viên được bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về trồng trọt, nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trừ bệnh hại... hướng dẫn các thao tác kỹ thuật. Mỗi một chuyên đề đào tạo từ 3 -5 ngày. Sau mỗi chuyên đề các học viên đều qua kiểm tra đánh giá kết quả. Khi hoàn thành đào tạo các chuyên đề sẽ kiểm tra tổng thể ghi nhận kết quả đạt được của học viên. Trong 24 tháng triển khai thực hiện, dự án đã đào tạo 20 kỹ thuật viên cho 2 xã: Tân Dân (Chí Linh); Lê Ninh (Kinh Môn) đây là những hạt nhân tốt có nhiệm vụ tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thâm canh cây trồng, vật nuôi ở cơ sở khi dự án kết thúc và có tác dụng mở rộng ra các địa phương có điều kiện tương tự trong toàn tỉnh.

Để kịp thời ghi nhận quá trình tổ chức triển khai dự án, quá trình huấn luyện đào tạo và kết quả đạt được của từng mô hình... dự án đã phối hợp với đài truyền hình, báo Hải Dương đưa tin tuyên truyền kết quả từng mô hình theo từng thời vụ cây trồng, vật nuôi. Dự án cũng tiến hành chụp ảnh tư liệu và xây dựng băng hình làm phương tiện tuyên truyền nhiều lần, lâu dài kết quả đạt được của từng mô hình dự án để hộ nông dân các huyện trong tỉnh tiếp thu áp dụng mở rộng kết quả dự án.

PHẦN THỨ BA
KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Nội dung	Tổng kinh phí dự án			Kinh phí SNKH đã quyết toán	
	Trong đó			1999	2000
	Vốn SNKH	Dân đóng góp	Cộng		
Tổng kinh phí thực hiện dự án	500.000,0	847.828,0	1.347.828,0	300.000,0	200.000,0
Nguyên vật liệu năng lượng	297.611,0	847.828,0	1.145.439,0	209.827,0	87.784,0
Nguyên vật liệu	290.000,0	847.828,0	1.131.828,0	206.296,0	83.704,0
Nhiên liệu	7.611,0	-	7.611,0	3.351,0	4.080,0
Thuê khoán chuyên môn	80.000,0	-	80.000,0	40.000,0	40.000,0
Huấn luyện đào tạo	57.000,0	-	57.000,0	21.856,0	35.144,0
Truyền					
Thù lao cho cán bộ chỉ	28.560,0	-	28.560,0	10.441,0	18.119,0
dự án					
án bộ chỉ đạo trực tiếp	21.600,0	-	21.600,0	7.941,0	13.659,0
án bộ quản lý dự án	6.960,0	-	6.960,0	2.500,0	4.460,0
Các khoản chi khác	36.829,0	-	36.829,0	17.876,0	18.953,0
Thu tra khảo sát xây dựng	13.039,0	-	13.039,0	13.039,0	-
Trang					
hợp đồng với cơ sở triển khai	3.500,0	-	3.500,0	1.890,0	1.610,0
hi báo cáo góp ý chỉnh sửa	2.000,0	-	2.000,0	-	2.000,0
Nhiệm thu tại cơ sở + Tw	13.500,0	-	13.500,0	-	13.500,0
phòng phẩm	3.007,9	-	3.007,9	2.400,0	607,9
khác	1.782,0	-	1.782,0	547,0	1.235,1

PHẦN THỨ TƯ :

KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ.

A- KẾT LUẬN.

Qua thời gian từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 12 năm 2000 thực hiện Dự án tại 2 xã : Tân Dân Huyện Chí Linh, xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương, Dự án đã thực hiện đầy đủ các nội dung và đạt được các mục tiêu của Dự án. Từ kết quả đạt được ở các mô hình ra nhân rộng ra quy mô 2 huyện và toàn tỉnh. Qua thời gian triển khai dự án " Xây dựng mô hình ứng dụng TBKH tại 2 xã nông thôn và miền núi huyện Chí Linh, Kinh Môn tỉnh Hải Dương" đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, đặc biệt nâng cao nhận thức và hiểu biết của người nông dân trong tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học vào trồng trọt, chăn nuôi... đã từng bước thay đổi tập quán canh tác cũ (cấy mạ non, mạ sên thay cho cấy mạ được, kỹ thuật bón phân, trồng lạc theo công nghệ phủ ni lon không vun sỏi thay cho tập quán trồng vun, sỏi ngày xưa) thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi (bố trí cơ cấu giống vải hợp lý nhằm kéo dài thời gian thu hoạch quả chín hoặc thay thế đàn bò gié địa phương bằng bò lai sind được tạo ra từ kết quả dự án,...) từ đó tăng khả năng đầu tư thâm canh để tạo ra khối lượng sản phẩm/ đơn vị diện tích và/ đơn vị thời gian tăng, góp phần xoá đói giảm nghèo cho các hộ nông dân, nông thôn miền núi.

- Thông qua kết quả mô hình trồng lúa (60ha) với các giống lúa thuần và lúa lai đến nay hơn 80% diện tích trồng lúa của 2 xã được áp dụng công nghệ cấy mạ non, giống lúa tiềm năng năng suất cao (Q5, Khang Dân 18, Lai 2 dòng) ngoài ra kỹ thuật và các giống lúa này đã được mở rộng diện tích trong phạm vi nhiều vùng của tỉnh Hải Dương.

- Từ kết quả trồng lạc giống LVT theo công nghệ phủ ni lon với quy mô là 20ha đến nay đã được mở rộng 90% diện tích trồng lạc của 2 xã và được nhân rộng ra nhiều xã của 2 huyện Chí Linh, Kinh Môn, nhiều xã của huyện Nam Sách với vùng bãi bồi ngoài đê ở cả 2 vụ xuân hè và thu đông với các giống có tiềm năng năng suất cao như LVT , L14 đã góp phần thu nhập từ 25- 30 triệu đồng/ha trên vùng bãi bồi không chủ động tưới tiêu; cũng từ kết quả trồng lạc theo công nghệ phủ ni lon đã thúc đẩy mở rộng diện tích, năng xuất và sản lượng lạc ở tỉnh

Hải Dương, thay đổi tập quán canh tác cũ, kích thích người nông dân hăng hái tiếp thu các tiến bộ khoa học để phục vụ sản xuất và đời sống của chính mình.

- Ngoài việc chỉ đạo triển khai phát triển 40ha cây ăn quả kết hợp trồng cây lâm nghiệp theo quy mô của dự án cán bộ kỹ thuật cùng với lãnh đạo địa phương phát động nông dân tập trung nguồn vốn, kết hợp với sự hướng dẫn kỹ thuật, bố trí cơ cấu cây ăn quả, nên nông dân ở 2 xã đã trồng cây ăn quả được 95% diện tích đất đồi trống kết hợp với trồng cây lâm nghiệp trên đỉnh đồi; mở rộng diện tích cây ăn quả trên đồi được tưới nước theo hệ thống đường dẫn, bể chứa, góp phần to lớn trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế vườn rừng, giữ nước, chống sới mòn đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Từ kết quả mô hình phát triển kinh tế vườn rừng đặc biệt là việc bố trí cơ cấu giống cây ăn quả hợp lý nhằm dài vụ thu hoạch quả chín và hệ thống tưới nước cho cây ăn quả vườn đồi, đã được áp dụng cho những vùng phát triển cây ăn quả ở các địa phương trong tỉnh.

-Cùng với việc mở rộng áp dụng TBKH các mô hình thâm canh lúa, lạc, phát triển kinh tế vườn rừng thì mô hình cải tạo đàn bò địa phương không chỉ dừng lại ở một số hộ được triển khai trong khuôn khổ dự án mà nó đã được áp dụng đến tất cả các hộ nông dân nuôi bò trong xã và một số xã lân cận ở 2 huyện Chí Linh và Kinh Môn. Đồng thời cũng từ lợi ích của dự án đem lại mà các hộ nông dân trong vùng triển khai dự án đã nâng cao được nhận thức và khả năng tiếp thu các TBKH áp dụng không chỉ riêng với chăn nuôi bò mà còn đối với tất cả các loại gia súc gia cầm ở địa phương.

4. Phân tích hiệu quả của dự án:

4.1 Ý nghĩa khoa học công nghệ .

- Dự án đã tập hợp được trí tuệ của nhiều nhà khoa học trên các lĩnh vực cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi thú y từ trung ương, địa phương và cơ sở vì vậy các tiến bộ khoa học đã được đưa nhanh và rất sát thực tế tới các hộ nông dân, nông thôn và miền núi 2 huyện Chí Linh, Kinh Môn tỉnh Hải Dương.

- Từ kết quả mô hình thâm canh lúa, mô hình thâm canh lạc che phủ ni lon đã làm thay đổi cơ bản kỹ thuật canh tác truyền thống của nông dân (kỹ thuật cấy mạ non được thay thế mạ được gieo dài ngày, kỹ thuật bón phân cân đối, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp; kỹ thuật trồng lạc theo công nghệ phủ ni lon trên vùng đất bãi ngoài đê) đã góp phần tạo sự cân bằng sinh thái trên đồng ruộng, nâng cao độ phì cho đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng mô hình phát triển kinh tế vườn rừng chú ý đến loại cây lâm nghiệp, cơ cấu giống cây ăn quả, phát triển các cụm tưới nước chủ động, kết hợp trồng xen các cây có thời gian sinh trưởng ngắn (như cây bài bài, cây dứa) để lấy ngắn nuôi dài không những chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn góp phần cải tạo, sử dụng đất hợp lý, tăng nhanh diện tích che phủ đất trồng đồi trọc góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, mặt khác còn làm cơ sở để phát triển các khu chế biến nông sản thực phẩm trong tương lai.

Qua sự chuyển giao các TBKH của các cơ quan trung ương đã nâng cao được trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của trung tâm ứng dụng TBKH tỉnh Hải Dương thông qua việc làm và học, học mà làm.

- Dự án đã đào tạo cho mỗi xã một đội ngũ kỹ thuật viên có đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao các TBKH vào sản xuất ở mỗi địa phương thông qua lớp đào tạo ngắn ngày, tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn, đồng thời cũng đã nâng cao được trình độ dân trí và hiểu biết, lựa chọn và tiếp thu các TBKH phục vụ sản xuất đời sống của các hộ nông dân trong xã.

- Kết quả khoa học công nghệ của các mô hình trong dự án đã góp phần quan trọng trong việc nhân nhanh các TBKH phục vụ phát triển kinh tế xã hội cho nông dân nông thôn và miền núi ở tỉnh Hải Dương.

4.2 Hiệu quả kinh tế:

- Qua điều tra năng suất lúa của vùng trước khi triển khai dự án nên mục tiêu xây dựng mô hình thâm canh lúa đạt 10 tấn/ha, thực tế triển khai mô hình và đã được áp dụng rộng trong phạm vi toàn xã năng suất đạt 11,7 tấn/ha vượt 1,7 tấn/ha/vụ/năm $\times 1,5$ triệu đồng/tấn = 2,55 triệu đồng/ha/năm. Một hiệu quả kinh tế không nhỏ của những vùng trồng lúa, chưa kể đến bón phân cân đối, phòng trừ

sâu bệnh hợp lý đã làm giảm được số lần phun thuốc sâu, bệnh/ vụ góp phần giữ gìn môi trường trong sạch hơn

- Nhờ áp dụng công nghệ phủ nilon và chọn giống có tiềm năng, năng suất cao trong trồng lạc nên đã đưa năng suất từ 15,4 tạ/ha lên 33,24 tạ/ha/vụ.

Nếu tính giá lạc 5.000đ/kg thì:

+ Với giống giống cũ và kỹ thuật canh tác cũ thu được 15,4 tạ/ha x 500.000đ/tạ = 7.700.000đ với giống LVT và kỹ thuật che phủ nilon thu được 33,24 tạ /ha x 500.000đ/tạ = 16.620.000đ .Trừ đầu tư nilon tăng 1.385.000đ/ha còn thu được 15.235.000đ/ ha. Chênh lệch giữa 2 biện pháp là: 15.235.000đ - 7.700.000đ = 8.535.000đ/ha/vụ. Một hiệu quả kinh tế to lớn cho những vùng trồng lạc; Đặc biệt kết quả mô hình đã được mở rộng không chỉ ở 2 huyện Chí Linh, Kinh Môn mà còn được nhân rộng ở vùng đất bãi bồi ngoài đê không chủ động tưới tiêu, có mùa nước lũ, trồng 2 vụ lạc xuân hè và thu đông làm cho tổng thu nhập lên tới 25 - 30 triệu đồng/ha/ năm.

- Trong mô hình phát triển kinh tế vườn rừng tuy các cây lâm nghiệp, cây ăn quả mới trồng được 2 năm đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản, cây sinh trưởng phát triển tốt, ngoài hiệu quả lâu dài trong việc giữ nước, chống sới mòn đất bảo vệ môi trường sinh thái mà dự án không thể tính bằng con số được, song việc bố trí cơ cấu giống cây ăn quả, trồng xen lấy ngắn nuôi dài đã giúp định hướng cho quá trình phát triển vùng cây ăn quả ở Hải Dương. Mặt khác cũng nhờ lợi ích của dự án: giúp nông dân hiểu biết kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả đặc biệt là kỹ thuật phòng chống rụng nụ, hoa, quả đã làm cho năng suất vải, nhãn của những vườn đang thu tăng từ 20 - 25%.

-Cũng như mô hình khác, mô hình cải tạo đàn bò địa phương đã làm thay đổi cơ cấu giống đại gia súc ở địa phương, tăng sức kéo, tăng khối lượng sản phẩm. Tuy dự án mới tạo ra được 165 con bê lai, theo đánh giá của các chuyên gia trường đại học nông nghiệp I Hà Nội những con bê này có trọng lượng tăng 30 -35% so với con bê gic cùng tuổi, và cũng là cơ sở phát triển lâu dài và mở rộng cho những vùng lân cận.

4.3. Hiệu quả xã hội :

Dự án xây dựng mô hình ứng dụng TBKH tại 2 xã nông thôn và miền núi huyện Chí Linh, Kinh Môn tỉnh Hải Dương là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Qua 24 tháng triển khai dự án, ngoài ý nghĩa về khoa học công nghệ, hiệu quả kinh tế, dự án còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

- Việc ứng dụng các TBKH để phát triển đa dạng các sản phẩm của địa phương đã tạo công ăn việc làm cho các hộ nông dân, từng bước tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

- Thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, cấp tài liệu hướng dẫn, dự án đã giúp cho cán bộ và nông dân 2 xã nâng cao hiểu biết phát triển sản xuất gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, đời sống ở địa phương mình.

- Cùng với việc tiếp thu ứng dụng TBKH vào sản xuất đời sống, Dự án đã tác động lớn đến các phong trào thi đua ở cơ sở, đến việc xây dựng kết cấu hạ tầng ở 2 xã nông thôn và miền núi huyện Chí Linh, Kinh Môn tỉnh Hải Dương, nó khẳng định chính sách của Đảng, nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi trong những năm qua.

Từ quá trình triển khai dự án, nó đã thu hút được một số đề tài, dự án của Trung ương, địa phương lồng ghép góp phần làm tăng tính hiệu quả của dự án.

B- SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN:

1- Đối với địa phương:

Sau khi kết thúc dự án đã đem lại cho các cơ sở.

- Làm thay đổi tập quán canh tác của các hộ nông dân làm theo quy trình công nghệ đã nâng cao trình độ dân trí cho cán bộ và nhân dân địa phương.

- Do canh tác với kỹ thuật tiên tiến đã làm cho năng suất lúa tăng 10%, năng suất lạc tăng trên 50%; với vườn rừng 40 ha cây vải, nhãn 2 năm tuổi đang xanh tốt và 8 cụm tưới nước hoàn chỉnh, 2 con bò đực lai sinh, hai con bò cái và 165 con bê lại làm cơ sở cho phát triển đàn đại gia súc của địa phương trong tương lai góp phần tăng khối lượng, chất lượng sản phẩm cho nền kinh tế thị trường.

- Dự án đã đào tạo được 20 kỹ thuật viên ở cơ sở có đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao các TBKH vào sản xuất đời sống.

2- Sản phẩm giao cho Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường :

- Các qui trình, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa, lạc, cây ăn quả, chăn nuôi.

- Các báo cáo của các cơ quan chuyển giao công nghệ.

- Báo cáo của 2 xã triển khai dự án.

- Báo cáo tổng kết thực hiện dự án của Trung tâm ứng dụng TBKH Hải Dương

- Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện dự án.

D- KHUYẾN NGHỊ:

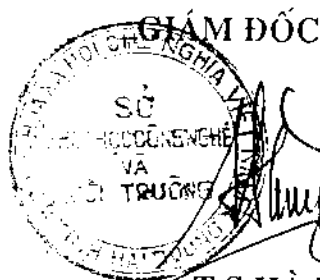
- Về khoa học công nghệ: Trong sản xuất nông nghiệp người nông dân thường sản xuất theo kinh nghiệm và học lẫn nhau, chưa bao giờ được đào tạo qua trường, lớp nhưng các tiến bộ khoa học phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng nhiều, song để nông dân dễ tiếp thu thì việc xây dựng các mô hình ứng dụng TBKH để được tai nghe mắt thấy là điều hết sức cần thiết và dễ dàng chấp nhận với người nông dân. Mặt khác phải tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, cung cấp thông tin qua các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật gọn, dễ hiểu để người nông dân dễ tiếp thu vì thế Đảng và Nhà nước phải có chính sách khuyến nông ở cơ sở và thu hút được đội ngũ cán bộ khoa học về và say sưa với cơ sở.

Trong việc xây dựng các mô hình ứng dụng các TBKH thì việc cần thiết là có sự hỗ trợ nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, Trung ương, để triển khai nhanh chóng các TBKH phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước.

- Khi triển khai ứng dụng các TBKH và mở rộng kết quả của dự án, ngoài chuyển giao về kiến thức khoa học kỹ thuật thì việc phải huy động mọi nguồn vốn để đầu tư phát triển: vốn dân đóng góp, vay tín dụng, kinh phí ở địa phương, nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách - Trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách được coi như enzym xúc tác chuyển hoá nhanh chóng các TBKH đến với người nông dân.

- Khi ứng dụng các TBKH vào sản xuất nông nghiệp đã tạo lên một khối lượng sản phẩm lớn và đa dạng vì thế Nhà nước cần có chính sách bảo hộ với sản phẩm nông nghiệp, đồng thời đầu tư xây dựng các cụm, khu chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân làm cơ sở thúc đẩy phát triển sản xuất, thu hút lao động khu vực nông thôn góp phần giảm thiểu các tệ nạn xã hội.

- Muốn đưa nhanh các tiến bộ khoa học tới nông thôn và miền núi, ngoài việc hỗ trợ kinh phí, đào tạo tập huấn kỹ thuật cho cán bộ và nông dân thì việc giải quyết các chế độ cho cán bộ kỹ thuật của tỉnh, huyện và cơ sở khi hướng dẫn kỹ thuật trên đồng ruộng, trực tiếp chỉ đạo sản xuất sẽ giúp cho cán bộ kỹ thuật giảm bớt một phần khó khăn trong sinh hoạt với thời gian đi cơ sở chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đời sống nhân dân.



T.S HÀ BẠCH ĐĂNG